

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 01 - 2022

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 362/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp HL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Diệp Văn Khương, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp HL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông Diệp Văn K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông K cờ bạc, không quan tâm gia đình. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Diệp Kim Y, sinh ngày 14/10/2001 và Diệp Kim N, sinh ngày 18/6/2006. Khi ly hôn, cháu Y đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Diệp Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Cẩm T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với ông Diệp Văn K là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông Khương vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T và ông K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông K được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bà T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên ông K không có ý kiến. Như vậy, những mâu thuẫn do bà T xác định thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định ông K không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với bà T, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông K đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là kể từ thời gian bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông K tại Tòa án thì bà T, ông K không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà T với ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Kim Y đã trưởng thành, còn cháu Kim N đã hơn 15 tuổi, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T không yêu cầu giải quyết đối với cháu Kim Y, bà Thùy yêu được nuôi cháu Kim N, không yêu cầu ông K cấp dưỡng. Đối với ông K thì không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà T. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu Kim N thì cháu muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của cháu Kim N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông K thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Cẩm T được ly hôn với ông Diệp Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Diệp Kim N, sinh ngày 18/6/2006 cho bà Lê Cẩm T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Diệp Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Bà Lê Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011715 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà Lê Cẩm T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh